TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số: **519**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2024
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Hiển V**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Bích H**

2. Bà **Nguyễn Thị Xuân P**

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*:** Bà **Phạm Thị Hồng L** - Thư ký Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên toà*:** Ông **Đỗ Minh T** - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 430/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Đinh Thu T**, sinh năm 2001; Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: 66 Tương M, phường Đồng T, quận H, thành phố H (Có mặt)

- Bị đơn: **Anh Đỗ Mạnh Q**, sinh năm 1994; Đăng ký hộ khẩu thường trú: 2** L, phường Đ, quận H, thành phố H; Hiện đang thi hành án tại Phân trại K3, tổ 18, Trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2024, bản tự khai và những lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Đinh Thu T trình bày:*

- Về tình cảm: Chị và anh Đỗ Mạnh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố H ngày 08/12/2021. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

cuối năm 2022 đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống. Đến tháng 3/2023, anh Q bị bắt giam vì tội Trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử phạt với mức án là 5 năm 6 tháng tù. Tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nay tình cảm của chị đối với anh Q không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ T M, sinh ngày 17/01/2022.

Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu M. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q, anh Q cũng đã viết bản tự khai và gửi đến Tòa án. Tại bản tự khai ngày 01/7/2024, bị đơn anh Đỗ Mạnh Q trình bày:* Anh và chị Đinh Thu T kết hôn năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố H. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị T có yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ T M, sinh ngày 17/01/2022. Ly hôn, anh Q đồng ý để chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Tại bản tự khai, anh Q trình bày vợ chồng anh không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Q đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống. Về con chung, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ T M, sinh ngày 17/01/2022, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Đỗ Mạnh Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Toà án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; Thực hiện đúng các thủ tục tố tụng; Việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, điều hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục; Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định, các quyền trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thu T, cho chị T ly hôn với anh Đỗ Mạnh Q.

+ Về con chung: Giao cháu Đỗ T M cho chị Đinh Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q có quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và công nợ: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Đinh Thu T có đơn khởi kiện ly hôn đối với anh Đỗ Mạnh Q. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - anh Q đang thi hành án tại Trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc, trước khi thi hành án, anh Q có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại 2** Lò Đ, phường Đ, quận H, thành phố H. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- *Về trình tự tố tụng*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đinh Thu T có mặt, bị đơn là anh Đỗ Mạnh Q vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- *Về tình cảm*: Chị Đinh Thu T và anh Đỗ Mạnh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố H ngày 08/12/2021 (Giấy chứng nhận kết hôn số 4*). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống và lối sống không phù hợp. Năm 2023 anh Q đi chấp hành án với án phạt tù 05 năm 06 tháng theo Bản án số 203 ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hiện nay anh Q chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang và cũng đồng ý ly hôn với chị T. Như vậy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng con cái sống chung, đầm ấm của chị T và anh Q đã không thể thực hiện được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn của chị T đối với anh Q.

- *Về con chung*: Chị T và anh Q có 01 con chung là Đỗ T M, sinh ngày 17/01/2022. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cũng cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của con chưa thành niên. Theo quy định của pháp luật: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*".

Xét thấy cháu M còn nhỏ, rất cần sự yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ, cháu M hiện đang sinh sống ổn định cùng chị T; hơn thế, anh Q cũng đồng ý để chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu M. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giao cháu M cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự

thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con, do đó tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- *Về tài sản chung, nhà đất ở chung:* Chị T, anh Q cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về công nợ chung*: Chị T, anh Q cùng xác nhận vợ chồng không có công nợ chung, không có tranh chấp, khiếu kiện gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đinh Thu T. Chị Đinh Thu T được ly hôn với anh Đỗ Mạnh Q.

2. Về con chung: Xác nhận chị T và anh Q có 01 con chung là Đỗ T M, sinh ngày 17/01/2022. Giao cháu Đỗ T M cho chị Đinh Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Đỗ Mạnh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đinh Thu T không yêu cầu anh Đỗ Mạnh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung: Chị T, anh Q đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về công nợ chung: Chị T, anh Q cùng xác nhận vợ chồng không có công nợ chung, không có tranh chấp, khiếu kiện gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

6. Về án phí: Chị Đinh Thu T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00033742 ngày 17/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Đinh Thu T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh Đỗ Mạnh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS Q Hai Bà Trưng;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hiển V